TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 116/2024/DSPT
Ngày: 26/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Thảo;
Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng;
Ông Ngô Quang Dũng.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án dân sự thụ lý số 406/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2022 do có kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2900/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:***

- Ông Nguyễn Tiến T, sinh năm 1970; có mặt

- Ông Nguyễn Văn M (Nguyễn Tiến M), sinh năm 1946; vắng mặt, ủy quyền cho ông T.

Đều trú tại: Đội 3, xóm PT, xã TV, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ;

* ***Bị đơn***: Ông Trần Quang Tr, sinh năm 1957 và bà Tạ Thị H, sinh năm 1957; địa chỉ: Đội 2, xóm PH, xã TV, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

* ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1952; địa chỉ: Đội 3, xóm PT, xã TV, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Tiến K, sinh năm 1956; địa chỉ: Đội 3, xóm PT, xã TV, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960; địa chỉ: Đội 3, xóm PT, xã TV, thành

phố VT, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1962; địa chỉ: Xã YN, huyện YM, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Tiến L, sinh năm 1966; địa chỉ: Đội 2, xóm PH, xã TV, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P, ông K, bà N, bà X và ông L: Ông Nguyễn Tiến T; có mặt.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1949; địa chỉ: Đội 3, xóm PT, xã TV, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1974; địa chỉ: Đội 3, xóm PT, xã TV, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Quang S, sinh năm 1977; địa chỉ: Đội 3, xóm PT, xã TV, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ; đã chết ngày 08/10/2022.

- Anh Nguyễn Lương T, sinh năm 1980; địa chỉ: Đội 3, xóm PT, xã TV, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1977; địa chỉ: Đội 3, xóm PT, xã TV, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

- Ông Trần Quang H, sinh năm 1971 và bà Tạ Thị Ch, sinh năm 1969; cùng địa chỉ: Đội 3, xóm PT, xã TV, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân thành phố VT, tỉnh Phú Thọ; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn C; chức vụ: Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố VT; vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã TV, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn ông Nguyễn Tiến T trình bày:*** Thửa đất có diện tích đo thực tế hiện nay là 413,8m^2 tại khu Đồi Gò Tro Cao, thuộc khu 2, xã TV, TP. VT, tỉnh Phú Thọ đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm: thửa đất số 611-4 mang tên mẹ đẻ ông là bà Nguyễn Thị Ng (bà Ng đã chết năm 2014) và thửa đất số 611-9 mang tên anh trai ông là ông Nguyễn Tiến M. Hiện nay ông T vẫn đang quản lý sử dụng thửa đất này, trên đất ông đang trồng một số cây cối lâm lộc là Chuối. Nay ông đề nghị Tòa án xác định thửa đất mà ông đang quản lý, sử dụng nêu trên là của ai và có phải là đất của gia đình Ông Trần Quang Tr hay không? Hàng năm ông vẫn đóng tiền sử dụng đất đối với 02 thửa đất nêu trên cho khi Nhà nước miễn nộp tiền thuế nông nghiệp toàn dân, nên ông không phải đóng tiền sử dụng đất nữa (ông không nhớ cụ thể là năm nào). Thời gian trước ông vẫn đóng tiền sử dụng đất cho Đội trưởng sản xuất đội 3 PT của hợp tác xã tên là ông Đinh Văn T1, sau đó đến ông Tạ Ngọc S (Hiện nay ông T1 đã chết, ông S đang ở khu 3, PT, xã TV, TP. VT). Hiện nay ông không còn lưu các biên lai thu tiền sử dụng đất, nhưng ở đội sản xuất của đội 3 PT có sổ

sách theo dõi việc này.

Nay ông yêu cầu buộc Ông Trần Quang Tr phải trả lại toàn bộ diện tích 334m^2 thửa đất 611-4 và thửa đất 611-9 từ tờ bản đồ số 34 tại khu Đồi Gò Tro Cao, khu 2, xã TV, TP. VT, tỉnh Phú Thọ (đo vẽ thực tế 413,8m^2) mà hiện nay Ông Trần Quang Tr đang chiếm giữ.

**** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:*** Thửa đất số 611-9 tại khu Đồi Gò Tro Cao, thuộc khu 2, xã TV, TP. VT, tỉnh Phú Thọ, đã được Nhà nước Giấy chứng nhận đứng tên ông là Nguyễn Tiến M có diện tích 192m^2; Thửa đất này ông đã cho mẹ đẻ ông là bà Ng sử dụng, nhưng sau đó bà Ng cho ông T sử dụng. Sau khi bà Ng chết thì ông T tiếp tục sử dụng. Hiện nay ông Tr đang sử dụng thửa đất này. Ông đề nghị Tòa án buộc ông Tr phải trả lại cho ông thửa đất trên.

**** Bị đơn Ông Trần Quang Tr trình bày:*** Thửa đất có diện tích đo thực tế hiện nay là 413,8m^2 tại khu Đồi Gò Tro Cao, thuộc khu 2, xã TV, TP. VT, tỉnh Phú Thọ hiện nay gia đình vợ chồng ông đang quản lý, sử dụng và đang trồng một số cây cối lâm lộc Xoan và Bạch đàn (theo nội dung của biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố VT). Nguồn gốc thửa đất này do bố mẹ đẻ ông khai hoang từ năm 1970 để lại cho vợ chồng ông. Thửa đất này là đất rừng chưa được Nhà nước cấp Giấy CNQSD đất, vì là gia đình chính sách nên hàng năm gia đình ông không phải đóng tiền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Trong tổng diện tích 413,8m^2, có 161m^2 đất (đổi khẩu) là của vợ chồng em trai ông là Trần Quang H. Diện tích đất còn lại là do ông đang quản lý sử dụng. Nay ông T và ông M khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả lại diện tích đất trên, vợ chồng ông không nhất trí. Với lý do như nêu trên, ông đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND thành phố VT cấp cho bà Ng và ông M.

**** Bị đơn bà Tạ Thị H trình bày;*** Nguồn gốc đất trên là do bố mẹ chồng bà để lại cho vợ chồng bà và được các cụ để lại từ những năm 1970 khai hoang mà có, thửa đất trên là thửa đất rừng chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay gia đình bà vẫn đang trồng một số cây xoan và cây bạch đàn. Tổng diện tích khoảng hơn 400m^2, vì gia đình chồng tôi là gia đình chính sách nên thửa đất này hằng năm không phải đóng thuế. Nay ông T và ông M khởi kiện thì vợ chồng bà không nhất trí và đề nghị Tòa án hủy Giấy CNQSD đất mà UBND thành phố VT cấp cho bà Ng và ông M như nêu trên.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

Bà Tạ Thị C và ông Trần Quang H trình bày: Bà lấy chồng từ năm 1991. Sau khi kết hôn bà và ông Trần Quang H chung sống cùng gia đình nhà chồng, năm 1992 gia đình nhà chồng bà cho một thửa đất tại Khu Gò Tro Cao, nguồn gốc thửa đất này là do bố mẹ chồng là Trần Quang T khai hoang từ năm 1970, sau đó cho vợ chồng bà và vợ chồng ông Tr (anh trai chồng bà) canh tác. Diện tích bà đang sử dụng là 170 m^2, diện tích nhà ông Tr là 108 m^2. Sau khi canh tác trồng cây bạch đàn và cây xoan, sau đó anh Nguyễn Tiến T chặt cây của gia đình bà và ông Tr, vợ chồng bà để cho ông Tr đứng ra khởi kiện, Tòa án đã gải quyết

và buộc ông T bồi thường số cây cho gia đình ông Tr. Do đất khai hoang nên không làm thủ tục giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông Nguyễn Tiến T và ông Nguyễn Tiến M yêu cầu trả lại diện tích đất này, vợ chồng bà không nhất trí, phần đất của bà Ng và ông M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nằm ở phía bên trên Gò, còn cụ thể ở chỗ nào thì vợ chồng bà không biết. Phần đất vợ chồng bà đang canh tác một phía giáp nhà ông Tr, một phía gần nhà bà V khu 2 PH, xã TV (không biết họ của bà V là gì), một phía giáp ông Vũ Văn H đội 2 PH, xã TV, một phía giáp nhà ông Vũ Văn T ở Khu 2 PH, xã TV, phía dưới giáp nhà ông Mai Tùng ở khu 3 PT, xã TV, VT, một mặt giáp với đường đi ra cánh đồng. Ngoài ra, gia đình bà đổi cho bà Tạ Thị V, ở đội 2 PH, xã TV, VT, Phú Thọ diện tích là 161 m^2, gắn liền với thửa đất bố mẹ chồng cho ông H và ông Tr. Nay ông T và ông M yêu cầu trả lại phần đất này, vợ chồng bà không nhất trí.

Ủy ban nhân dân thành phố VT trình bày: Nguồn gốc đất của hộ ông Nguyễn Tiến M được UBND thành phố VT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 02 đất thửa đất số 574 tờ bản đồ số 18, diện tích 741,0 m^2 (Đất LUC) và thửa đất số 611- tờ bản đồ số 34, diện tích 192,0 m^2 (Đất ĐRM); địa chỉ thửa đất: Thôn PT, xã TV, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ theo quyết định số 611/QĐ-UB ngày 18/10/1999, số vào số 01726QSDĐ/Q1, Tr278.

Nguồn gốc đất của hộ bà Nguyễn Thị Ng được UBND thành phố VT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 07 đất thửa gồm: thửa số 65, diện tích 165,0m^2; thửa số 49, diện tích 129,0 m^2; thửa số 109, diện tích 131,0m^2; thuộc tờ bản đồ số: 29); (thửa đất 83, tờ số 35, diện tích 170,0 m^2); (thửa đất 189, tờ số 34, diện tích 57,0 m^2); (thửa đất 277, tờ số 11, diện tích 232,0 m^2) đất LỤC; Thửa đất số 611-4 tờ bản đồ số: 34; diện tích: 192,0 m^2 (Đất ĐRM). Địa chỉ thửa đất: Thôn PT, xã TV, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ) tại Quyết định số 611/QĐ-UB ngày 18/10/1999, số vào số 00731 QSDĐ/Q2, Tr167.

Căn cứ Luật Đất đai năm 1993; Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật đất đai ngày 14/7/1998 và ngày 29/6/2001; Căn cứ Thông tư số 1990/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục địa chính " Hướng dẫn thủ tục đăng ký đất, lập hồ sơ địa chính cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất". Hội đồng xét duyệt việc đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND xã TV xác nhận việc sử dụng đất của các hộ đối với các thửa đất nêu trên đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đề nghị cấp trên xét duyệt. Nay các hộ tranh chấp quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 611-4; 611-9 tờ bản đồ số 34, diện tích mỗi thửa là 192,0 m^2 (Đất ĐRM) đã được cấp GCNQSD đất cho bà Nguyễn Thị Ng và ông Nguyễn Tiến M. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân xã TV trình bày: Theo bản đồ, số mục kê năm 1996 đang lưu trữ tại UBND xã TV thì thửa đất số 611-4 , thửa 611-9 tờ bản đồ số 34 thuộc khu đồi Tro Cao ở thôn PT, xã TV, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ được cấp từ nhiều thửa tổng hợp diện tích là 5.064m^2. Thời kỳ đó UBND xã TV giao cho khu vực và đội trưởng sản xuất trực tiếp chia cho các hộ dân có tiêu chuẩn được giao

ruộng đất. gồm 11 hộ trong đó có thửa số 611-4. Hộ bà Nguyễn Thị Ng sử dụng với diện tích là 192m^2; hộ ông Nguyễn Tiến M thửa 611-9 có diện tích 192m^2 (được thể hiện theo số mục kê năm 1996). Tổng diện tích giao cho 11 hộ bằng 3.576m^2. Diện tích còn lại là 1.488m^2 là đất O2 (Hg) là đất thuộc quản lý của UBND xã TV. Đối với thửa đất số 611 tờ bản đồ số 34 diện tích 5.064m^2 được thể hiện là một thửa không được chỉnh lý vị trí thửa đất của 11 hộ và thửa đất của UBND xã TV. Do vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ cần xác định tại đội sản xuất thôn PT và tham khảo ý kiến của người dân tại thôn PH nơi thường trú của gia đình ông Tr.

Người làm chứng trình bày:

Ông Nguyễn Tuấn A trình bày: Bố mẹ ông là cụ Nguyễn Thanh T và Tạ Thị T, bố ông là giáo viên nghỉ hưu, mẹ ông ở nhà làm ruộng; bố ông đã chết đầu năm 2022, mẹ ông hiện 87 tuổi đã già yếu và lẫn, ông là con trai cả trong gia đình. Mẹ ông được Hợp tác xã giao đất quý I (đất ruộng) được cấp GCNQSDĐ đứng tên mẹ ông. Thửa đất ruộng này ngày xưa giáp với phần đất mẹ Ông Trần Quang Tr khai hoang. Mẹ ông không làm mà cho người khác làm. Đầu năm 2022 mẹ ông đã cho ông thửa đất ruộng này, ông cũng không Ch tác mà cho người khác mượn canh tác. Sau này Hợp tác xã có giao phần đất cho mẹ ông Tr khai hoang hay cho ai khác ông không nắm được.

Ông Tạ Đình Q trình bày: Ông làm chủ nhiệm Hợp tác xã từ năm 1976 đến năm 2005. Trong thời gian công tác thì diện tích đất tại Gò Tro Cao được giao cho ông Đinh Văn T1 là đội trưởng đội sản xuất trực tiếp chia đất cho các hộ gia đình và các nhân khẩu trong hộ gia đình, việc ông T đứng ra chia như thế nào thì ông không nắm rõ.

Gia đình nhà ông không có phần diện tích đất giáp ranh với phần diện tích đất tranh chấp giữa ông T, ông M và ông Tr.

Ông Vũ Văn H trình bày: Ông ở cùng khu với ông gia đình ông Tr, còn gia đình ông T, ông M ở xóm PT, ông có khai hoang thửa đất tại đồi gò thuộc khu 2 xã PH từ năm 1984, 1985 giáp với phần đất của ông Trần Quang T là thương binh cũng khai hoang cùng ông (đất khai hoang của ông T2 liền kề với phần đất khai hoang của ông), sau này ông T2 chết, Ông Trần Quang Tr và ông Trần Quang H là con trai ông T2 canh tác trên thửa đất này. Khi Nhà nước có chủ trương cấp đất cho các hộ dân tại khu Gò Tro. Ông Đinh Văn T1 nguyên là đội trưởng đội sản xuất đã chia đất cho các hộ dân nhưng phần đất chia là ở bên trên, còn phần đất canh tác, khai hoang của gia đình ông và gia đình ông T2 ở phía dưới nên không chia. Từ thời gian đó đến nay phần diện tích của gia đình ông và gia đình ông T2 vẫn giữ nguyên không có thay đổi hiện trạng gì. Nay ông T và ông M khởi kiện yêu cầu ông Tr phải trả lại diện tích đất canh tác cho ông T2 đã khai hoang, quan điểm của ông phần đất này là của ông Trần Quang T khai hoang, hiện ông Tr và ông H đang canh tác sử dụng không phải phần đất cấp cho bà Nguyễn Thị Ng (mẹ ông T) và ông Nguyễn Tiến M.

Ông Tạ Hữu Đ trình bày: Ông và gia đình ông Nguyễn Tiến T, ông Nguyễn Tiến M, Ông Trần Quang Tr chỉ là người cùng khu quên biết chứ không

có anh em họ hàng gì, bố ông là ông Tạ Văn K có được chia thửa đất tại khu Gò Tro Cao thuộc xóm PT, xã TV. Vào những năm 1990, phần diện tích được chia không giáp ranh với phần diện tích đất đang tranh chấp giữa ông T, ông M với ông Tr. Khi bố ông còn sống đã cho các con gồm 4 anh em trai trong đó có ông, theo ông được biết thì toàn bộ phần diện tích đất thuộc khu Gò tro cao thuộc địa phận xóm PT, xã TV. Diện tích đất khu Gò Tro Cao đã được ông T1 nguyên là đội trưởng đội sản xuất chia cho 37 nhân khẩu của 06 bếp lớn, phần đất đang tranh chấp giữa ông T, ông M với ông Tr nằm dưới chân của khu Gò Tro Cao trước đó đã được lấy đất để đắp đường đi, hiện nay là một vùng trũng, theo ông nghe được thì gia đình ông Tr có thời gian vỡ vạc và làm trên diện tích đất tranh chấp nhưng cụ thể như thế nào ông không nắm rõ. Nay ông M, ông T khởi kiện ông Tr tại Tòa án, quan điểm của ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Tạ Hữu D trình bày: Ông và gia đình ông Nguyễn Tiến T, ông Nguyễn Tiến M, Ông Trần Quang Tr chỉ là người cùng khu quen biết chứ không có anh em họ hàng. Bố ông là ông Tạ Văn K có được chia thửa đất tại khu Gò tro Cao thuộc xóm PT, xã TV. Vào những năm 1990 khi bố ông còn sống đã cho 4 anh em trai gồm có ông, ông Đ, ông L, ông C**.** Hiện nay gia đình ông vẫn canh tác trồng cây lâu năm trên diện tích đất này, phần diện tích đất của gia đình ông giáp ranh với phần diện tích đất đang tranh chấp giữa ông M, ông T với ông Tr và ông H có vợ là Ch. Phần đất gia đình ông nằm ở trên cao, còn phần đất tranh chấp nằm ở phần bên dưới cách tả ly cao khoảng 2m, phần đất tranh chấp trước đây là hố đất do người dân lấy đất để đắp đường. Cụ T2 là bố đẻ ông Tr có canh tác trồng lúa và hoa màu, sau khi Cụ T2 chết thì ông Tr, ông H có vợ là Ch tiếp tục canh tác cho đến nay, phần đất của cụ Ng và ông M nằm ở chỗ nào ông không biết.

Bà Nguyễn Thị Thế S (vợ của ông Vũ Văn T) trình bày: Gia đình bà và gia đình ông Nguyễn Tiến T, ông Nguyễn Tiến M, ông Nguyễn Quang Trọng chỉ là người cùng xã có biết nhau, không có anh em họ hàng gì. Gia đình bà có một thửa đất giáp phần đất của gia đình ông Tr, ông H có vợ là Ch canh tác. Phần đất của ông Tr, ông H đang canh tác có nguồn gốc là hố do Nhà nước lấy đất để đắp đường và có thấy Cụ T2 là bố ông Tr, ông H canh tác, diện tích canh tác như thế nào thì bà không nắm được, còn diện tích đất của bà Ng, ông M nằm chỗ nào thì bà không biết.

Ông Tạ Ngọc S trình bày: Gia đình ông và Gia đình bà và gia đình ông Nguyễn Tiến T, ông Nguyễn Tiến M, ông Nguyễn Quang Tr chỉ là hàng xóm có biết nhau. Năm 2000 ông làm Trưởng khu PT, xã TV, theo ông được biết toàn bộ khu đồi Gò Tro thuộc quản lý của PT và giáp với khu đồng ruộng của khu PH. Năm 1993 ông Đinh Văn T1 nguyên là đội trưởng sản xuất của khu PT có giao diện tích đất 1.188m^2 cho 10 hộ gia đình tại khu Gò tro cao gồm các hộ Nguyễn Tiến K, Tạ Văn Nga, Tạ Văn K, Tạ Văn C, Tạ Minh Đ, Tạ Đình Q, Tạ Đình Q1, Nguyễn Tiến C (M), Vũ Thị N, Nguyễn Thị Ng (Nguyễn Tiến T), ngoài ra còn có một số hộ khai hoang (không xác định), những hộ khai hoang này hiện nay vẫn đang canh tác, phần đất khai hoang của các hộ (không xác định) không nằm trong

phần đất cấp cho 10 hộ ở trên. Năm 1999-2000 có hướng dẫn cho 10 hộ cấp Giấy CNQSDĐ nhưng các hộ không xác định được diện tích đất canh tác của mình nên thống nhất để chung thửa. Nay ông M, ông T khởi kiện ông Tr đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại biên bản xem xét thẩm định và định giá tài sản ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố VT thể hiện: Tiến hành định giá trị giá quyền sử dụng đất đang tranh chấp là 1.400.000đ/1m^2 và xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản là Quyền sử dụng đất giữa ông T và ông Tr ở khu Đồi Gò Tro Cao, thuộc khu 3, xã TV, Thành phố VT, tỉnh Phú Thọ. Theo nguyên đơn trình bày: Diện tích đất này đã được UBND thành phố VT, tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ngày 18/10/1999 mang tên bà Nguyễn Thị Ng (là mẹ đẻ ông T) thuộc thửa số 611-4, thửa 611-9 tờ bản đồ số 34, đều có diện tích là 192m^2 mục đích sử dụng là ĐM. Phía bị đơn là ông Tr cho rằng: Diện tích đất này là được bố đẻ ông là Cụ T2 vỡ hoang từ năm 1971. Trên diện tích đất đang tranh chấp có 19 cây xoan; Trong đó có 16 cây đường kính 10cm và 03 cây đường kính 5cm. Ngoài ra, trên đất không có tài sản gì khác. Theo ông T chỉ mốc giới thửa đất thì diện tích đất hiện nay là 413,8m^2 (trong đó có cả diện tích đất của ông Nguyễn Tiến M, là anh trai ông T); Bởi vì thửa đất được sử dụng chung. Ông T không xác định được vị trí thửa đất số 611-4 là ở đâu trong diện tích đất 413,8m^2 nêu trên. Ông T trình bày diện tích đất 413,8m^2 nêu trên được giáp ranh với thửa đất của hộ ông Tạ Văn T (đã chết), hộ ông Tạ Phú D và giáp với nhiều phần đất mà hộ bà Vũ Thị V đang trồng cây xoan. Hiện trạng đất hiện nay không có gì thay đổi so với hiện trạng đất đã được xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25/10/2017. Các số liệu, kích thước, chỉ giới của thửa đất vẫn giống như Bản trích đo hiện trạng sử dụng đất do Công ty cổ phần khảo sát đo đạc Anh Thư lập ngày 25/10/2017, không thay đổi gì. Phía nguyên đơn là ông Nguyễn Tiến T đề nghị Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ không tiến hành đo đạc lại thửa đất và yêu cầu được lấy Biên bản đo hiện trạng do Công ty cổ phần khảo sát, đo đạc Anh Thư lập ngày 25/10/2017 để làm căn cứ giải quyết vụ án tiếp theo.

Tại biên bản xác minh ngày 27 tháng 12 năm 2018 UBND xã TV – TP VT - tỉnh Phú Thọ cung cấp như sau: Thửa đất số 611-4, thửa 611-9 tờ bản đồ số 34, đều có diện tích 192m^2 tại khu Đồi Gò Tro Cao, thôn PT, xã TV, TP VT, Phú thọ. Theo Giấy CNQ sử dụng đất số 0327335 do UBND TP VT, Phú Thọ mang chủ hộ là bà Nguyễn Thị Ng và ông Nguyễn Tiến M trong sổ mục kê năm 1996 thể hiện thửa đất số 611, tờ bản đồ số 34 tại khu Đồi Gò Tro Cao, thôn PT, xã TV, TP VT là thửa đất khác có tổng diện tích là 5.064m^2; sau đó thửa đất 611 này được chia cho 11 hộ với tổng diện tích đất 3.576m^2. Trong đó có thửa đất số 611-4 và thửa đất số 611-9 cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Ng và hộ ông M (diện tích đất còn lại là 1.488m^2 do UBND xã TV quản lý). Tổng diện tích đất 3.576m^2 chia được 11 hộ dân là giao chung, sau đó đội sản xuất tự chia cho 11 hộ dân. Cho nên, sổ sách, bản đồ địa chính còn lưu tại UBND xã TV không thể hiện thửa đất số 611-4 và thửa đất số 611-9 tờ bản đồ số 34 tại khu Đồi Gò Tro cao, thôn PT, xã TV và cũng không có mốc giới để thể hiện thửa thửa đất số 611-4 và thửa đất số 611-9 tờ bản đồ số 34 nêu trên.

Về diện tích đất 413,8m^2 tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/10/2017 của Tòa án Nhân Dân thành phố VT thì UBND xã TV không xác định được có phải là thửa đất số 611-4, và thửa số 611-9 tờ bản đồ số 34 mà đang có tranh chấp giữa hộ anh Nguyễn Tiến T, Nguyễn Tiến M và hộ Ông Trần Quang Tr hay không. Vì thửa đất số 611, tờ bản đồ số 34 tại khu Đồi Gò Tro Cao được chia cho 11 hộ dân, nên việc xác định mốc giới thửa đất số 611-4, thửa 611-9 cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Ng và hộ ông M thì đề nghị Tòa Án xác định tại đội sản xuất vì lúc đó được giao cho đội sản xuất tự chia và xác định tại 11 hộ dân được chia gồm có: hộ ông Tạ Phó D, hộ bà Vũ Thị M, hộ ông Nguyễn Tiến K, hộ ông Nguyễn Văn T, hộ ông Nguyễn Văn H, hộ ông Nguyễn Văn Th, hộ ông Tạ Tiến T, hộ ông Nguyễn Tiến M, hộ ông Tạ Duy T, hộ ông Tạ Minh C và hộ bà Nguyễn Thị Ng.

Tại biên bản làm việc với UBND xã TV làm việc với các hộ dân hiện nay đang canh tác tại khu Gò Tro Cao, thuộc xã TV, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ cung cấp:

Ông Tạ Minh C trình bày: Bố mẹ đẻ ông C (Cụ Tạ Văn K và Tạ Thị Đ), hiện nay đã chết, được Nhà nước chia, cắt cho thửa đất để canh tác ở Khu Gò Tro Cao và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó bố mẹ ông C chia thửa đất cho 04 người con. Sau khi được chia đất hộ ông C canh tác trên đất. Hiện nay trên đất có trồng một số cây bạch đàn; Thửa đất của hộ ông C ở phía trên đỉnh đồi, không giáp ranh với thửa đất mà hiện nay ông T và ông Tr đang tranh chấp.

Bà Vũ Thị V trình bày: Hiện nay gia đình bà V đang canh tác tại Khu Gò Tro Cao, diện tích không biết cụ thể; nguồn gốc do gia đình bà V vỡ hoang mà có chứ gia đình bà V không được Nhà nước chia đất. Gia đình bà V vỡ hoang từ năm 1971 và canh tác từ đó đến nay. Thửa đất này của bà V giáp ranh với thửa đất mà hiện nay ông T và ông Tr đang tranh chấp. Quá trình gia đình bà V canh tác thì bà V chỉ thấy ông T2, là bố đẻ ông Tr canh tác trên thửa đất mà hiện nay hộ ông Tr đang sử dụng, ngoài ra không thấy ai khác canh tác trên thửa đất. Vì là đất vỡ hoang nên hộ bà V chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Vũ Văn H trình bày: Hiện gia đình ông H đang canh tác tại Khu Gò Tro Cao diện tích khoảng 02 thước; nguồn gốc do ông H vỡ hoang từ năm 1971 và hiện nay vẫn đang canh tác; Thửa này của ông H giáp ranh với thửa đất mà hiện nay hộ ông đang sử dụng, canh tác; nguồn gốc mà hiện nay hộ ông Tr đang canh tác thì ông H cho biết do ông T2 là bố đẻ ông Tr khi còn sống sử dụng, canh tác từ trước. Ngày hộ ông T2 sử dụng thửa đất trên, hộ ông H không thấy ai canh tác trên thửa đất này nữa.

Bà Đinh Thị S trình bày: Trước kia bà S là Đội trưởng – HTX nông nghiệp đội 2, PH, TV; Thửa đất mà hiện nay ông T và ông Tr đang tranh chấp thuộc Khu 3 PT, TV; bà Sinh cho biết thửa đất mà hiện nay hộ ông Tr đang canh tác ở Khu Gò Tro Cao nguồn gốc do ông T2, là bố đẻ ông Tr vỡ hoang từ năm 1974, hiện nay hộ ông Tr đang canh tác.

Ông Nguyễn Tiến K và ông Nguyễn Tiến M trình bày: Nguồn gốc thửa đất

mà hiện nay hộ ông K và ông M đang canh tác tại Khu Gò Tro Cao do Nhà nước chia và đã được cấp Giấy chứng nhận, hiện nay vẫn đang canh tác, sử dụng là do Nhà nước cắt chia mẹ đẻ các ông là cụ Nguyễn Thị Ng, hộ ông Tr mượn đất để canh tác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DSST ngày 05/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã Căn cứ vào: Khoản 9 Điều 26; Điều 34; Khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; khoản 1, khoản 2 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 115; Điều 163; Điều 221 của Bộ luật dân sự; Điều 202; khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến T về việc yêu cầu Ông Trần Quang Tr và bà Tạ Thị H phải trả lại thửa đất số 611-4 tờ bản đồ số 34 có diện tích 192m^2 tại khu Đồi Gò Tro Cao, thôn PT, xã TV, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0327335 do UBND TP VT, Phú Thọ cấp ngày 18/10/1999 mang chủ hộ là bà Nguyễn Thị Ng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M về việc yêu cầu Ông Trần Quang Tr và bà Tạ Thị H phải trả lại thửa đất 611-9 tờ bản đồ số 34 có diện tích 192m^2 tại khu Đồi Gò Tro Cao, thôn PT, xã TV, thành phố VT, tỉnh Phú thọ. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R039694 do UBND TP VT, Phú Thọ cấp ngày 18/10/1999 mang tên chủ hộ là ông Nguyễn Tiến M.

- Không chấp nhận yêu cầu của Ông Trần Quang Tr về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 611-4 tờ bản đồ số 34 có diện tích 192m^2. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0 327335 do UBND TP VT, Phú Thọ cấp ngày 18/10/1999 mang tên chủ hộ là bà Nguyễn Thị Ng và không chấp nhận cầu của Ông Trần Quang Tr về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R039694 do UBND TP VT, Phú Thọ cấp ngày 18/10/1999 mang tên chủ hộ là ông Nguyễn Tiến M.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm trong trường hợp chậm thi hành án, án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 19/9/2022, ông Nguyễn Tiến T, Nguyễn Văn M có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị hủy bản án sơ thẩm; tuyên buộc hộ ông Tr, bà Hiền phải trả lại 192m2.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn là ông Nguyễn Tiến T trình bày: Ông giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh em ông, yêu cầu gia đình ông Tr trả lại thửa đất số 611-4 và tờ bản đồ số 34, có diện tích 192m2 tại khu Gò Cao đã được UBND thành phố VT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị Ng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Về nội dung: Sau khi phân tích nguồn gốc diện tích đất tranh chấp, quá trình sử dụng đất, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Diện tích đất đang tranh chấp có nguồn gốc là của Cụ T2 (bố ông Tr) khai hoang; nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thửa đất được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn chính là diện tích đất hiện nay gia đình ông Tr đang canh tác, sử dụng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

* Về tố tụng:

[1] Kháng cáo của nguyên đơn là ông Nguyễn Tiến T, Nguyễn Văn M đảm bảo về thời hạn, đúng quy định về hình thức, nội dung theo các điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định về quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết là có căn cứ, đúng quy định.

[3] Tại phiên tòa vắng mặt Bị đơn và có đơn xin xử vắng mặt; vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và có đơn xin xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử.

* Về nội dung:

[4] Về vị trí thửa đất tranh chấp theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo nguyên đơn là ông Nguyễn Tiến T và ông Nguyễn Tiến M chỉ mốc giới thửa đất mà các ông khởi kiện có vị trí tại tại ở khu Đồi Gò Tro Cao, thuộc khu 3, xã TV, Thành phố VT, tỉnh Phú Thọ, diện tích đất hiện nay là 413,8m^2 (trong đó có cả diện tích đất của ông Nguyễn Tiến M, là anh trai ông T). Các ông đề nghị căn cứ vào Biên bản đo hiện trạng do Công ty cổ phần khảo sát, đo đạc Anh Thư lập ngày 25/10/2017 để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[5] Về nguồn gốc: Phía nguyên đơn cho rằng thửa đất có diện tích đo thực tế hiện nay là 413,8m^2 đang tranh chấp đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm: Thửa đất số 611-4 mang tên mẹ đẻ ông là bà Nguyễn Thị Ng (bà Ng đã chết năm 2014) và thửa đất số 611-9 mang tên anh trai ông là ông Nguyễn Tiến M. Bị đơn Ông Trần Quang Tr trình bày: Nguồn gốc thửa đất này do bố mẹ đẻ ông khai hoang từ năm 1970 để lại cho vợ chồng ông. Thửa đất này là đất rừng chưa được Nhà nước cấp Giấy CNQSD đất, vì là gia đình chính sách nên hàng năm gia đình ông không phải đóng tiền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Trong tổng diện tích 413,8m^2, có 161m^2 đất (đổi khẩu) là của vợ chồng em trai ông là Trần Quang H. Diện tích đất còn lại là do ông đang

quản lý sử dụng. Nay ông T và ông M khởi kiện yêu cầu vợ chồng chồng ông trả lại diện tích đất trên, vợ chồng ông không nhất trí. Hội đồng xét xử thấy:

[5.1] Tại biên bản xác minh ngày 27/12/2018, Uỷ ban nhân dân thành phố VT và Ủy ban nhân dân xã TV xác định: Theo bản đồ, số mục kê năm 1996 đang lưu trữ tại UBND xã TV thì thửa đất số 611-4 , thửa 611-9 tờ bản đồ số 34 thuộc khu đồi Tro Cao ở thôn PT, xã TV, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ được cấp từ nhiều thửa tổng hợp diện tích là 5.064 m2. Thời kỳ đó UBND xã TV giao cho khu vực và đội trưởng sản xuất trực tiếp chia cho các hộ dân có tiêu chuẩn được giao ruộng đất, gồm 11 hộ trong đó có thửa số 611-4. Hộ bà Nguyễn Thị Ng sử dụng với diện tích là 192m2; hộ ông Nguyễn Tiến M thửa 611-9 có diện tích 192m2 (Được thể hiện theo số mục kê năm 1996). Đối với thửa đất số 611 tờ bản đồ số 34 diện tích 5064m2 được thể hiện là một thửa không được chỉnh lý vị trí thửa đất của 11 hộ và thửa đất của UBND xã TV. Do vậy, không xác định được thửa số 611-4 của hộ bà Nguyễn Thị Ng và thửa số 611-9 của hộ ông Nguyễn Tiến M tại trí nào, có phải là thừa đất đang tranh chấp hay không. Khi Toà án thẩm định, UBND cũng không cung cấp được vị trí hai thửa đất trên mà do các bên đương sự tự chia.

[5.2] Ngày 16/8/2018, Phòng Tài nguyên môi trường có công văn số 96/CV-TNMT về việc cung cấp hồ sơ cấp GCNQSD đất: Không tìm thấy hồ sơ cấp GCNQSD đất do quá trình lưu trữ nhiều năm, kho lưu trữ bị xuống cấp phải vận chuyển nhiều lần để sửa chữa.

[5.3] Theo ông Đinh Văn T1, nguyên đội trưởng đội sản xuất (hiện nay ông T1 đã chết) nhưng năm 1993 ông T1 còn sống và xác nhận giao đất cho các hộ ở khu Gò tro xác định phần đất hố đắp bờ ông Láng do ông Trần Quang T (bố đẻ ông Tr) vỡ hoang không chia mà chỉ chia cho 37, 5 khẩu trên mặt bằng, do các hộ đổi thửa với nhau nên ông không xác định được ai canh tác.

[5.4] Như vậy, không có căn cứ để khẳng định thửa đất đang tranh chấp là thửa số 611-4, thửa 611-9 tờ bản đồ số 34 thuộc khu đồi Tro Cao ở thôn PT, xã TV, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ đã cấp cho bà Nguyễn Thị Ng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ngày 18/10/1999 của UBND thành phố VT, tỉnh Phú Thọ.

[6] Quá trình sử dụng đất: Phía nguyên đơn cho rằng: Hiện nay ông vẫn đang quản lý sử dụng thửa đất này, trên đất ông đang trồng một số cây cối lâm lộc là Chuối. Hàng năm ông vẫn đóng tiền sử dụng đất đối với 02 thửa đất nêu trên cho đến khi Nhà nước miễn nộp tiền thuế nông nghiệp toàn dân, nên ông không phải đóng tiền sử dụng đất nữa (ông không nhớ cụ thể là năm nào). Thời gian trước ông vẫn đóng tiền sử dụng đất cho Đội trưởng sản xuất đội 3 PT của hợp tác xã là ông Đinh Văn T1, sau đó đến ông Tạ Ngọc S (Hiện nay ông T1 đã chết, ông S đang ở khu 3, PT, xã TV, TP. VT). Hiện nay ông không còn lưu các biên lai thu tiền sử dụng đất, nhưng ở đội sản xuất của đội 3 PT có sổ sách theo dõi việc này. Phía bị đơn trình bày: Thực tế hiện nay gia đình vợ chồng ông đang quản lý, sử dụng và đang trồng một số cây cối lâm lộc Xoan và Bạch đàn. Thửa đất này chưa được Nhà nước cấp Giấy CNQSD đất, vì là gia đình chính sách nên

hàng năm không phải đóng tiền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Trong tổng diện tích 413,8m2, có 161m2 đất (đổi khẩu) là Trần Quang H và em dâu là Tạ Thị Trâm và vợ chồng ông đang quản lý sử dụng. Hội đồng xét xử thấy:

[6.1] Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ: Trên thửa đất đang tranh chấp có cây lâm lộc như lời trình bày của bị đơn. Mặt khác, năm 2016 ông Tr đã khởi kiện ông T chặt cây trên thửa đất này và yêu cầu ông T bồi thường. Toà án nhân dân thành phố VT đã xử buộc ông T phải bồi thường cho ông Tr các cây cối này, ông T kháng cáo, cấp phúc thẩm đã y án. Ông T khiếu nại Toà án Cấp cao không chấp nhận khiếu nại của ông T.

[6.2] Theo lời khai của các nhân chứng có đất giáp ranh với thửa đất tranh chấp: Phần đất đang tranh chấp nằm ở phần bên dưới cách tả ly cao khoảng 2m, phần đất tranh chấp trước đây là hố đất do người dân lấy đất để đắp đường. Cụ T2 là bố đẻ ông Tr có canh tác trồng lúa và hoa màu, sau khi Cụ T2 chết thì ông Tr, ông H có vợ là Ch tiếp tục canh tác cho đến nay, phần đất của cụ Ngân và ông M nằm ở chỗ nào ông không biết.

[6.3] Như vậy, có căn cứ khẳng định gia đình Ông Trần Quang Tr là người đang thực tế quản lý sử dụng thửa đất này.

[7] Tổng hợp các phân tích trên thấy: Nguyên đơn khởi kiện nhưng không chứng minh được thửa đất đang tranh chấp là thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn có số thửa 611-4 tờ bản đồ số 34, diện tích 192m^2 mang tên chủ hộ là bà Nguyễn Thị Ng và thửa đất số 611-9 tờ bản đồ số 34 có diện tích 192m^2 mang tên chủ hộ là Nguyễn Tiến M tại khu Đồi Gò Tro Cao, thôn PT, xã TV, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ; có căn cứ xác định gia đình bị đơn là người đang sử dụng ổn định thửa đất này từ trước đến nay. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Quan điểm Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí: Kháng cáo của ông Nguyễn Tiến T và ông Nguyễn Văn M không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do ông Nguyễn Văn M là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Bác kháng cáo của nguyên đơn là ông Nguyễn Tiến T và ông Nguyễn Văn M, giữ nguyên các quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Tiến T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000307 ngày 27/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ; ông Nguyễn Văn M không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS Phú Thọ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Thảo